

# Hiệu quả hoạt động của ban giám sát đầu tư cộng đồng trong các dự án xây dựng nông thôn mới: Phân tích tại Long Hồ - Vĩnh Long

Đỗ Thị Mỹ Dung<sup>1,\*</sup>, Nguyễn Hữu Danh<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Khoa Xây dựng, Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

<sup>2</sup> Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Phú Quới, tỉnh Vĩnh Long

## TỪ KHOÁ

Giám sát đầu tư  
Nông thôn mới  
Dự án đầu tư  
Chất lượng công trình  
Hiệu quả hoạt động

## TÓM TẮT

Giám sát đầu tư cộng đồng là cơ chế quan trọng nhằm bảo đảm tính minh bạch và nâng cao hiệu quả quản lý các dự án đầu tư công, đặc biệt trong xây dựng nông thôn mới. Bài báo này đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng trong các dự án xây dựng nông thôn mới sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở tổng hợp tài liệu, khảo sát thực tế và điều tra bằng bảng hỏi đối với các đối tượng liên quan như thành viên Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, chủ đầu tư và đại diện chính quyền địa phương. Dữ liệu thu thập được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả nhằm phản ánh thực trạng hoạt động giám sát đầu tư cộng đồng tại địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy Ban Giám sát đầu tư cộng đồng đã góp phần giám sát tiến độ, chất lượng công trình và việc tuân thủ quy định trong các dự án xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động vẫn còn hạn chế do năng lực chuyên môn của thành viên chưa đồng đều, điều kiện hỗ trợ còn thiếu và cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan chưa hiệu quả. Bài báo cung cấp cơ sở thực tiễn phục vụ việc hoàn thiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng ở cấp cơ sở.

## KEYWORDS

Investment supervision  
New rural  
Investment project  
Work quality  
Operational effectiveness

## ABSTRACT

Community investment supervision is a critical mechanism for ensuring transparency and enhancing the effectiveness of public investment project management, particularly within the New Rural Construction Program. This paper evaluates the operational effectiveness of Community Investment Supervision Boards (CISBs) in publicly funded new rural construction projects in Long Ho, Vinh Long province. The study is conducted based on a review of relevant literature, field observations, and questionnaire surveys administered to key stakeholders, including CISB members, project owners, and representatives of local authorities. The collected data are analyzed using descriptive statistical methods to reflect the current status of community-based investment supervision at the local level. The results indicate that CISBs have contributed to monitoring construction progress, work quality, and compliance with regulations in new rural construction projects. However, their effectiveness remains constrained by uneven professional capacity among board members, insufficient supporting conditions, and ineffective coordination mechanisms among relevant stakeholders. The findings provide practical evidence to support the improvement of community investment supervision practices at the grassroots level.

## 1. Giới thiệu

Đầu tư công giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt đối với các chương trình xây dựng nông thôn mới, nơi nguồn vốn ngân sách nhà nước được sử dụng để đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai đầu tư công ở nhiều địa phương cho thấy vẫn còn tồn tại tình trạng lãng phí, kém hiệu quả, chất lượng công trình chưa đảm bảo và thiếu minh bạch trong quá trình thực hiện dự án [1]. Trong bối cảnh đó, giám sát đầu tư của cộng đồng được xem là một cơ chế quan trọng nhằm phát huy quyền làm chủ của người dân, tăng cường

trách nhiệm giải trình và hạn chế các sai phạm trong đầu tư công.

Nhiều nghiên cứu quốc tế đã khẳng định vai trò tích cực của giám sát cộng đồng trong việc nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho rằng sự tham gia của cộng đồng có thể cải thiện đáng kể tính minh bạch, chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn, với điều kiện phải có khung pháp lý rõ ràng, cơ chế cung cấp thông tin minh bạch và sự hỗ trợ cần thiết về năng lực cho cộng đồng tham gia giám sát [2]. Nghiên cứu các mô hình giám sát tại Ấn Độ cũng cho thấy giám sát cộng đồng giúp phát hiện sớm các sai sót về vật liệu, tiến độ và chất lượng thi công, qua đó góp phần giảm thất thoát và lãng phí ngân sách nhà nước, dù vẫn còn gặp

\*Liên hệ tác giả: dothimydung@mtu.edu.vn

Nhận ngày 29/12/2025, sửa xong ngày 12/01/2026, chấp nhận đăng ngày 13/01/2026

Link DOI: <https://doi.org/10.54772/jomc.02.2026.1214>

phải rào cản về sự phối hợp từ phía cơ quan quản lý và chủ đầu tư [3]. Bên cạnh đó, các nghiên cứu của Ngân hàng Phát triển châu Á nhấn mạnh tầm quan trọng của cơ chế phản hồi, trách nhiệm giải trình xã hội và sự phối hợp đa bên trong nâng cao hiệu quả giám sát cộng đồng đối với các dự án xây dựng công [4].

Ở Việt Nam, giám sát đầu tư cộng đồng đã được thể chế hóa trong các văn bản pháp luật về đầu tư công và thực hiện dân chủ ở cơ sở [1], [5]. Nhiều công trình nghiên cứu trong nước cho rằng sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức đoàn thể góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công, hạn chế tham nhũng, lãng phí và bảo vệ lợi ích công [6-7]. Một số nghiên cứu cũng đề cập đến vai trò của giám sát cộng đồng trong chương trình xây dựng nông thôn mới, coi đây là một hình thức phát huy dân chủ ở cơ sở và tăng cường sự đồng thuận xã hội [8-9]. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này mới tập trung phân tích vai trò, chức năng hoặc đề xuất giải pháp chung, trong khi việc đánh giá hiệu quả hoạt động thực tế của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng (BGSĐTCD) tại các địa phương cụ thể vẫn còn hạn chế.

Thực tiễn tại tỉnh Vĩnh Long cho thấy BGSĐTCD đã được triển khai rộng rãi trong các dự án xây dựng nông thôn mới và bước đầu phát huy vai trò trong giám sát tiến độ, chất lượng và việc tuân thủ quy định của các công trình đầu tư công. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của BGSĐTCD vẫn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như năng lực chuyên môn của thành viên, điều kiện hỗ trợ hoạt động và cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan [10-11]. Khoảng trống nghiên cứu về đánh giá thực nghiệm hiệu quả hoạt động của BGSĐTCD ở cấp cơ sở đặt ra yêu cầu cần có những nghiên cứu cụ thể, dựa trên bằng chứng thực tiễn. Xuất phát từ đó, bài báo này tập trung phân tích hiệu quả hoạt động của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng trong các dự án xây dựng nông thôn mới tại Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, góp phần bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoàn thiện cơ chế giám sát đầu tư của cộng đồng trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

## 2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo cách tiếp cận kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của BGSĐTCD trong các dự án xây dựng nông thôn mới sử dụng vốn đầu tư công tại Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trước hết, phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng thông qua việc tổng hợp và phân tích các văn bản pháp luật, báo cáo chuyên ngành, tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến giám sát đầu tư cộng đồng và đầu tư công. Đồng thời, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn chuyên gia là các cán bộ quản lý, đại diện chủ đầu tư, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và thành viên BGSĐTCD nhằm làm rõ thực trạng tổ chức, nội dung và cách thức hoạt động giám sát đầu tư tại địa phương, qua đó xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho nghiên cứu.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu định tính, phương pháp nghiên cứu định lượng được triển khai thông qua điều tra khảo sát bằng bảng hỏi. Đối tượng khảo sát gồm các thành viên BGSĐTCD, đại diện chủ đầu tư và chính quyền địa phương có liên quan trực tiếp đến các

dự án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Long Hồ. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ nhằm thu thập ý kiến đánh giá về hiệu quả hoạt động của BGSĐTCD và các yếu tố có liên quan.

Dữ liệu khảo sát được xử lý và phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả để phản ánh đặc điểm mẫu nghiên cứu, mức độ đánh giá và thực trạng hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng tại địa phương. Kết quả phân tích là cơ sở để đánh giá khách quan hiệu quả hoạt động của BGSĐTCD và làm căn cứ cho các phân tích tiếp theo trong nghiên cứu.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Đặc điểm mẫu khảo sát và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở 215 phiếu khảo sát phát ra, thu về 204 phiếu hợp lệ, đạt tỷ lệ 94,9%. Đối tượng khảo sát bao gồm thành viên BGSĐTCD, cán bộ Mặt trận Tổ quốc, đại diện chủ đầu tư và chính quyền địa phương các cấp. Phần lớn người trả lời có thời gian tham gia hoạt động giám sát từ 3 năm trở lên, phản ánh mức độ am hiểu tương đối tốt về thực tiễn triển khai các dự án xây dựng nông thôn mới sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn nghiên cứu.

Về quy mô thực tiễn giám sát, trong giai đoạn 2020–2024, BGSĐTCD trên địa bàn đã tham gia giám sát 358 công trình xây dựng dân dụng, trong đó số công trình được giám sát tăng dần qua các năm, từ 56 công trình năm 2020 lên 89 công trình năm 2023 và 86 công trình năm 2024 (Bảng 1). Điều này cho thấy vai trò của BGSĐTCD ngày càng được mở rộng trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) tại địa phương.

**Bảng 1.** Số liệu công trình dân dụng có sự tham gia giám sát BGSĐTCD giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn Long Hồ [12].

TT	Năm	Công trình
1	2020	56
2	2021	62
3	2022	65
4	2023	89
5	2024	86
Tổng số công trình		358

### 3.2. Đánh giá tầm quan trọng BGSĐTCD đối với các dự án xây dựng dân dụng phục vụ NTM bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn Long Hồ

Tầm quan trọng BGSĐTCD đối với các dự án xây dựng dân dụng phục vụ NTM bằng nguồn vốn Đầu tư công:

Phần đánh giá được chia làm các mức độ như: không cần thiết, không quan trọng, quan trọng, rất quan trọng, cực kỳ quan trọng. Qua khảo sát cho thấy không có lựa chọn tại ô không cần thiết, điều này nhận thấy BGSĐTCD đối với các dự án xây dựng dân dụng phục vụ NTM bằng nguồn vốn đầu tư công cần phải thực hiện và kết quả đánh giá thu được mức độ “ít quan trọng” có 02 lựa chọn, mức độ “quan

trọng” có 41 lựa chọn, mức độ “Rất quan trọng” và mức độ “Cực kỳ quan trọng” chiếm tỷ lệ cao với 78.9%. Số liệu thể hiện cũng cho thấy đề tài tác giả thực hiện nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả hoạt động BGSĐTCD là rất quan trọng và cần thiết (Bảng 2).

- Có 100 % (204/204) người được khảo sát quan tâm đến hoạt động BGSĐTCD: Cho thấy đối tượng được khảo sát mà tác giả lựa chọn là có liên quan đến hoạt động BGSĐTCD. Để có được những đánh giá khác nhau và phù hợp với các yếu tố trong các nhân tố.

- Có 100 % (204/204) người được khảo sát nhận định BGSĐTCD có giúp cho chất lượng công trình đầu tư công và xây dựng NTM tại địa phương được nâng cao. BGSĐTCD thực sự giúp nâng cao chất lượng công trình khi được tổ chức bài bản và hoạt động hiệu quả.

- 100 % (204/204) người được khảo sát cho rằng BGSĐTCD giúp ngăn chặn các hành vi tham nhũng, lãng phí trong quá trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công xây dựng công trình dân dụng phục vụ nông thôn mới.

- Tất cả những người được khảo sát đánh giá việc thành lập và hoạt động của BGSĐTCD có giúp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công trong xây dựng các công trình dân dụng phục vụ NTM.

- BGSĐTCD là cầu nối quan trọng giữa chính quyền và người dân trong việc giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến công trình xây dựng dân dụng phục vụ mục đích cộng đồng, 204 người được khảo sát đồng ý với nhận định trên.

- Có 100 % (204/204) người được khảo sát nhận định BGSĐTCD là yếu tố quan trọng để đảm bảo tính bền vững và lâu dài của các công trình xây dựng dân dụng phục vụ NTM.

### 3.3. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động BGSĐTCD trên địa bàn Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

#### 3.3.1. Phân tích Cronbach's Alpha

Trong nghiên cứu, có tổng cộng 21 biến quan sát thuộc 05 nhóm nhân tố, tác giả sử dụng phần mềm SPSS 20 nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động BGSĐTCD.

Kiểm định Cronbach's Alpha đối với 21 biến quan sát thuộc 05 nhóm nhân tố, bao gồm: (1) Văn bản pháp luật và chính sách pháp lý, (2) Năng lực và trình độ của thành viên Ban giám sát, (3) Các điều kiện hỗ trợ hoạt động của Ban , (4) Sự phối hợp của các bên liên quan, (5) Các yếu tố khác, kết quả cho thấy các nhân tố đều có hệ số Cronbach's Alpha cao, lần lượt là 0.675, 0.660, 0.729, 0.677 và 0.732 đối với 5 nhóm nhân tố.

Có 3 yếu tố có hệ số tương quan thấp hơn 0.3: YT3 0.290, YT9 0.290, YT11 0.234. Như vậy, sau khi kiểm định Cronbach's Alpha đối với các biến quan sát thì có 3 biến bị loại khỏi mô hình là YT3, YT9 và YT11. Các hệ số tương quan các biến quan sát còn lại dao động trong khoảng từ 0.360 cho đến 0.667. Bên cạnh đó, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,6. Tiến hành kiểm tra lại Cronbach's Alpha lần 2 với 2 nhóm nhân tố 1 và nhóm nhân tố 2 sau khi loại 3 yếu tố khỏi mô hình. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha lần 2 đối với 8 biến quan sát thuộc 02 nhóm nhân tố, bao gồm: (1)

Văn bản pháp luật và chính sách pháp lý, (2) Năng lực và trình độ của thành viên Ban giám sát, kết quả cho thấy các nhân tố đều có hệ số Cronbach's Alpha cao, lần lượt là 0.712, 0.850.

Hệ số tương quan các biến quan sát dao động trong khoảng từ 0.363 cho đến 0.781. Bên cạnh đó, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,6. Như vậy, sau khi kiểm định Cronbach's Alpha lần 2 đối với các biến quan sát thì không có biến nào bị loại khỏi mô hình. Vì vậy, có tổng cộng 18 biến quan sát được đưa vào mô hình phân tích nhân tố khám phá EFA.

#### 3.3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Sau khi kiểm định Cronbach's Alpha, nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khám phá nhằm rút gọn và gom các biến quan sát thành những nhân tố có ý nghĩa để tăng cường khả năng giải thích các nhân tố được sử dụng.

Phương pháp được sử dụng là Principal Components Analysis (PCA) với phép xoay Varimax, với giá trị Kaiser-Meyer-Olkin trong khoảng  $0.5 \leq KMO \leq 1$  [13] và hệ số Sig. = 0,000 thì nó mang ý nghĩa trong thống kê. Bên cạnh đó, Multivariate Data Analysis từ 0.5 là biến quan sát đạt chất lượng tốt, tối thiểu nên là 0.3 [13].

Đối với mô hình nghiên cứu, kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA sẽ được trình bày ở Bảng 3.

Kết quả phân tích nhân tố cho thấy chỉ số Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy (KMO) = 0.717 > 0.5, điều này chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn thích hợp.

Kết quả kiểm định Barlett's là 1062.814 với mức ý nghĩa Sig. = 0.000 < 0.05, lúc này bác bỏ giả thuyết H0: các biến quan sát không có tương quan với nhau trong tổng thể. Như vậy giả thuyết về ma trận tương quan giữa các biến là ma trận đồng nhất bị bác bỏ, tức là các biến có tương quan với nhau và thỏa điều kiện phân tích nhân tố.

Thực hiện phân tích nhân tố theo Principal components với phép quay Varimax. Kết quả cho thấy 18 biến quan sát được nhóm thành 5 nhóm. Giá trị tổng phương sai trích = 61.345 % > 50 %: đạt yêu cầu; khi đó có thể nói rằng 5 nhân tố này giải thích 61.345 % biến thiên của dữ liệu. Giá trị hệ số Eigenvalues của các nhân tố đều cao (> 1), nhân tố thứ 5 có Eigenvalues thấp nhất là 1.425 > 1 (Bảng 4).

Kết quả phân tích nhân tố khám phá Rotated Component Matrix được trình bày ở Bảng 5.

Kết quả phân tích EFA cho thấy các hệ số đều lớn hơn 0.5. Nên các nhân tố đảm bảo được giá trị hội tụ và phân biệt khi phân tích EFA. Ngoài ra EFA còn xem xét mối quan hệ giữa các biến ở tất cả các nhóm khác nhau nhằm phát hiện ra những biến quan sát tải lên nhiều nhân tố. Bên cạnh đó việc phân tích EFA giúp nghiên cứu sắp xếp lại những biến quan sát một cách phù hợp hơn so với mô hình đề xuất ban đầu.

Như vậy nhóm nhân tố thứ nhất được hình thành với tổng cộng 05 biến quan sát gồm có: YT1, YT2, YT4, YT5, YT6. Nhóm nhân tố thứ nhất này được hình thành để giải thích cho các vấn đề liên quan đến Văn bản pháp luật và chính sách pháp lý về BGSĐTCD. Nhóm nhân tố

thứ nhất đặt tên là “Văn bản pháp luật và chính sách pháp lý” và được ký hiệu là X1.

Nhóm nhân tố thứ hai đề cập đến khả năng phân tích dữ liệu, báo cáo, và đánh giá hiệu quả dự án, kiến thức chuyên môn về xây dựng, kinh nghiệm thực tiễn trong giám sát đầu tư công và nhân sự phụ trách hoạt động của BGSĐTCD. Nhóm nhân tố được tác giả đặt tên là “Năng lực và trình độ của thành viên Ban giám sát” và đặt là X2. Nhóm nhân tố thứ hai gồm các biến: YT7, YT8, YT10.

Nhóm nhân tố thứ ba được đặt tên là “Các điều kiện hỗ trợ hoạt động của Ban” và được ký hiệu là X3. Nhóm nhân tố có 04 biến quan sát, đó là: YT12, YT13, YT14, YT15. Các biến quan sát thuộc nhóm nhân tố thứ ba đề cập đến kinh phí hoạt động của BGSĐTCD, trang thiết bị hỗ trợ hoạt động của BGSĐTCD, tài liệu và tập huấn cho thành viên BGSĐTCD.

Nhóm nhân tố thứ tư được hình thành với 03 biến quan sát gồm có: YT16, YT17, YT18. Nhóm được đặt tên là “Sự phối hợp của các bên liên quan” và được ký hiệu là X4. Nhóm nhân tố thứ tư này được hình thành để giải thích sự phối hợp làm việc, chất lượng trao đổi thông tin, việc lập kế hoạch giám sát và yêu cầu các bên có liên quan cung cấp thông tin của dự án hoặc công trình cần giám sát.

Nhóm nhân tố thứ năm với các biến quan sát: YT19, YT20, YT21 và được ký hiệu là X5. Nhóm nhân tố này giải thích cho các yếu tố khác như: Công tác tuyên truyền của MTTQ và các đoàn thể chính trị về BGSĐTCD đến người dân, Sự quan tâm của người dân đến hoạt động BGSĐTCD, nội dung giám sát, giám sát kiểm tra của thành viên BGSĐTCD. Vì vậy, nhóm được đặt tên là “Các yếu tố khác”.

3.3.3. Phân tích ma trận điểm nhân tố

Sau khi phân tích nhân tố khám phá EFA và tìm ra được 18 biến quan sát thuộc 05 nhóm nhân tố gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động BGSĐTCD trên địa bàn Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Tiếp đến, nghiên cứu tiến hành phân tích ma trận điểm nhân tố để xem xét mức độ đóng góp của các biến quan sát đối với từng nhóm nhân tố trong mô hình (Bảng 6).

Nhân số của nhóm nhân tố thứ nhất X1 được thể hiện cho nhân tố “Văn bản pháp luật và chính sách pháp lý” có dạng biểu thức như sau:  $X1 = 0.279*YT1 + 0.232*YT2 + 0.347*YT4 + 0.291*YT5 + 0.303*YT6$ . Thông qua biểu thức có thể thấy biến quan sát “YT4.Thiếu quy định cụ thể về cơ chế hoạt động” và “YT6. Thiếu cơ chế bảo vệ thành viên BGSĐTCD” có tác động lớn nhất đối với nhóm nhân tố này.

Nhân số của nhóm nhân tố thứ nhất X2 được thể hiện cho nhân tố “Năng lực và trình độ của thành viên Ban giám sát” có dạng biểu thức như sau:  $X2 = 0.386*YT7 + 0.396*YT8 + 0.327*YT10$ . Thông qua biểu thức có thể thấy biến quan sát “YT8.Thành viên BGSĐTCD thiếu kiến thức chuyên môn về xây dựng” có tác động lớn nhất đối với nhóm nhân tố này.

Nhân số của nhóm nhân tố thứ nhất X3 được thể hiện cho nhân tố “Các điều kiện hỗ trợ hoạt động của Ban” có dạng biểu thức như sau:  $X3 = 0.304*YT12 + 0.346*YT13 + 0.338*YT14 + 0.358*YT15$ . Thông qua biểu thức có thể thấy biến quan sát “YT15.Thiếu tài liệu và tập huấn cho thành viên BGSĐTCD” có tác động lớn nhất đối với nhóm nhân tố này.

Nhân số của nhóm nhân tố thứ nhất X4 được thể hiện cho nhân tố “Sự phối hợp của các bên liên quan” có dạng biểu thức như sau:  $X4 = 0.400*YT16 + 0.421*YT17 + 0.386*YT18$ . Thông qua biểu thức có thể thấy biến quan sát “YT17. Đơn vị thi công thiếu hợp tác trong công tác giám sát tại công trình với BGSĐTCD” có tác động lớn nhất đối với nhóm nhân tố này.

Nhân số của nhóm nhân tố thứ nhất X5 được thể hiện cho nhân tố “Các yếu tố khác” có dạng biểu thức như sau:  $X5 = 0.424*YT19 + 0.419*YT20 + 0.407*YT21$ . Thông qua biểu thức có thể thấy biến quan sát “YT19. Nội dung giám sát còn hình thức, giám sát kiểm tra chưa sâu và chặt chẽ” có tác động lớn nhất đối với nhóm nhân tố này.

Từ kết quả khảo sát và các biểu thức X1, X2, X3, X4 và X5 có thể nhận định các biến quan sát đều có tác động thuận chiều đối với từng nhân tố trong mô hình.

**Bảng 2.** Bảng tầm quan trọng Ban giám sát đầu tư cộng đồng.

Thang đo Likert	Số lượng	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Ít quan trọng	2	1.0	1.0	1.0
Quan Trọng	41	20.1	20.1	21.1
Rất quan trọng	104	51.0	51.0	72.1
Cực kỳ quan trọng	57	27.9	27.9	100.0
Tổng	204	100.0	100.0	

**Bảng 3.** Kiểm định KMO and Kiểm định Bartlett's.

Do lường mức độ phù hợp của việc lấy mẫu Kaiser-Meyer-Olkin		0.717
Kiểm định Bartlett's	Xấp xỉ Chi-Square	1062.814
	df	153
	Sig.	0.000

**Bảng 4.** Giá trị riêng và phương sai trích.

Yếu tố ảnh hưởng	Giá trị riêng ban đầu			Trích xuất tổng bình phương			Tổng xoay bình phương		
	Tổng	% phương sai	Tích lũy %	Tổng	% phương sai	Tích lũy %	Tổng	% phương sai	Tích lũy %
1	3.244	18.023	18.023	3.244	18.023	18.023	2.439	13.550	13.550
2	2.840	15.778	33.801	2.840	15.778	33.801	2.402	13.345	26.895
3	1.930	10.721	44.522	1.930	10.721	44.522	2.260	12.557	39.452
4	1.603	8.904	53.426	1.603	8.904	53.426	1.991	11.063	50.515
5	1.425	7.919	61.345	1.425	7.919	61.345	1.949	10.830	61.345

**Bảng 5.** Kết quả phân tích nhân tố khám phá Rotated Component Matrix.

	Nhân tố				
	1	2	3	4	5
YT4. Thiếu quy định cụ thể về cơ chế hoạt động	0.771				
TY5. Chưa có chế tài rõ ràng đối với việc không tuân thủ kết quả giám sát	0.684				
TY6. Thiếu cơ chế bảo vệ thành viên BGSĐTCD	0.676				
YT1. Nhiều văn bản pháp luật đề cập nhưng chưa chi tiết	0.674				
YT2. Địa phương chưa cụ thể hoá văn bản cấp trên.	0.551				
YT8. Thành viên BGSĐTCD thiếu kiến thức chuyên môn về xây dựng		0.894			
YT7. Thành viên BGSĐTCD chưa có khả năng phân tích dữ liệu, báo cáo, và đánh giá hiệu quả dự án		0.876			
YT10. Thành viên BGSĐTCD thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong giám sát đầu tư công		0.780			
YT13. Trang thiết bị hỗ trợ hoạt động của BGSĐTCD chưa được đáp ứng kịp thời.			0.759		
YT14. Chưa có chỗ làm việc riêng dành cho BGSĐTCD			0.746		
YT12. Kinh phí hoạt động của BGSĐTCD còn hạn chế so với nhu cầu sử dụng của Ban			0.718		
YT15. Thiếu tài liệu và tập huấn cho thành viên BGSĐTCD			0.684		
YT17. Đơn vị thi công thiếu hợp tác trong công tác giám sát tại công trình với BGSĐTCD				0.801	
YT16. Chủ đầu tư không cung cấp hồ sơ thiết kế của công trình kịp thời cho BGSĐTCD				0.757	
YT18. BGSĐTCD chưa chủ động trong việc lập kế hoạch giám sát và yêu cầu các bên có liên quan cung cấp thông tin của dự án hoặc công trình cần giám sát.				0.728	
YT19. Thực hiện nội dung giám sát còn hình thức, giám sát kiểm tra chưa sâu và chặt chẽ.					0.824
YT20. Công tác tuyên truyền của MTTQ và các đoàn thể chính trị về BGSĐTCD đến người dân chưa đạt hiệu quả, còn hình thức.					0.794
YT21. Người dân chưa quan tâm đến hoạt động BGSĐTCD					0.778

**Bảng 6.** Kết quả phân tích ma trận điểm nhân tố (Component Score Coefficient Matrix).

	Nhân tố				
	1	2	3	4	5
YT1. Nhiều văn bản pháp luật đề cập nhưng chưa chi tiết	0.279				
YT2. Địa phương chưa cụ thể hoá văn bản cấp trên	0.232				
YT4. Thiếu quy định cụ thể về cơ chế hoạt động	0.347				
YT5. Chưa có chế tài rõ ràng đối với việc không tuân thủ kết quả giám sát	0.291				
YT6. Thiếu cơ chế bảo vệ thành viên BGSĐTCD	0.303				
YT7. Thành viên BGSĐTCD chưa có khả năng phân tích dữ liệu, báo cáo, và đánh giá hiệu quả dự án		0.386			
YT8. Thành viên BGSĐTCD thiếu kiến thức chuyên môn về xây dựng		0.396			
YT10. Thành viên BGSĐTCD thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong giám sát đầu tư công		0.327			
YT12. Kinh phí hoạt động của BGSĐTCD còn hạn chế so với nhu cầu sử dụng của Ban			0.304		
YT13. Trang thiết bị hỗ trợ hoạt động của BGSĐTCD chưa được đáp ứng kịp thời.			0.346		
YT14. Chưa có chỗ làm việc riêng dành cho BGSĐTCD			0.338		
YT15. Thiếu tài liệu và tập huấn cho thành viên BGSĐTCD			0.358		
YT16. Chủ đầu tư không cung cấp hồ sơ thiết kế của công trình kịp thời cho BGSĐTCD				0.400	
YT17. Đơn vị thi công thiếu hợp tác trong công tác giám sát tại công trình với BGSĐTCD				0.421	
YT18. BGSĐTCD chưa chủ động trong việc lập kế hoạch giám sát và yêu cầu các bên có liên quan cung cấp thông tin của dự án hoặc công trình cần giám sát.				0.386	
YT19. Nội dung giám sát còn hình thức, giám sát kiểm tra chưa sâu và chặt chẽ.					0.424
YT20. Công tác tuyên truyền của MTTQ và các đoàn thể chính trị về BGSĐTCD đến người dân chưa đạt hiệu quả, còn hình thức.					0.419
YT21. Người dân chưa quan tâm đến hoạt động BGSĐTCD					0.407

**3.4. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động BGSĐTCD trên địa bàn Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long**

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của BGSĐTCD trên địa bàn Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, tác giả tập trung đề xuất các giải pháp cho những yếu tố có tác động lớn nhất trong từng nhóm nhân tố.

**3.4.1. Đề xuất giải pháp thực hiện những quy định cụ thể về cơ chế hoạt động và cơ chế bảo vệ thành viên BGSĐTCD**

Để nâng cao hiệu quả giám sát đầu tư công và bảo vệ an toàn cho thành viên Ban giám sát cộng đồng, cần triển khai các giải pháp sau:

Thiết lập cơ chế bảo vệ thành viên Ban giám sát: Hỗ trợ pháp lý miễn phí khi thành viên bị kiện tụng, đe dọa do thực hiện nhiệm vụ. Bảo mật thông tin cá nhân (ẩn danh khi cần thiết, đặc biệt với trường hợp tố giác tham nhũng). Đường dây nóng riêng của Thanh tra Chính phủ hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh. Ứng dụng trực tuyến có xác thực bảo mật (ví dụ: Cổng Dịch vụ công Quốc gia).

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ giúp: Ban giám sát hoạt động hiệu quả, giảm thiểu rủi ro tham nhũng. Bảo vệ an toàn cho thành viên, khuyến khích người dân tích cực tham gia. Nâng cao niềm tin xã hội vào công tác quản lý đầu.

**3.4.2. Nâng cao trình độ của thành viên BGSĐTCD về kiến thức chuyên môn xây dựng, cung cấp tài liệu và mở các tập huấn cơ bản về xây dựng cho thành viên BGSĐTCD.**

Việc nâng cao trình độ chuyên môn cho thành viên BGSĐTCD là giải pháp căn cơ để nâng cao hiệu quả giám sát cộng đồng. Các giải pháp đề xuất phải mang tính hệ thống, có tính khả thi cao và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Xây dựng chương trình đào tạo chuyên môn, thiết kế khung chương trình đào tạo phù hợp với trình độ các thành viên BGSĐTCD cụ thể như: Kiến thức cơ bản về xây dựng, kỹ năng giám sát thi công, pháp luật về đầu tư xây dựng, Thực hành tại hiện trường. Phối hợp với Trường Đại học Xây dựng Miền Tây tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn (1 - 3 tuần).

Xây dựng bộ tài liệu chuẩn gồm: Sổ tay giám sát công trình xây dựng, cẩm nang kiến thức xây dựng cơ bản, tài liệu hướng dẫn đọc bản vẽ kỹ thuật, số hóa tài liệu và cung cấp trên nền tảng trực tuyến.

Có cơ chế hỗ trợ chuyên môn như: Thành lập Tổ tư vấn kỹ thuật gồm các kỹ sư xây dựng có kinh nghiệm, triển khai chương trình "Mỗi công trình một chuyên gia đồng hành", thiết lập đường dây nóng tư vấn kỹ thuật 24/7.

### 3.4.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các bên có liên quan

Để nâng cao hiệu quả giám sát, cần thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa BGSĐTCD với các chủ đầu tư, nhà thầu và cơ quan quản lý nhà nước. Cụ thể, UBND cấp xã cần tổ chức các buổi làm việc định kỳ để cập nhật thông tin dự án, đồng thời yêu cầu các chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ thiết kế, tiến độ thi công và vật liệu sử dụng. MTTQ và các đoàn thể cần đóng vai trò trung gian, tạo điều kiện để nhân dân và BGSĐTCD phản ánh kịp thời các vấn đề phát sinh. Bên cạnh đó, cần xây dựng quy chế rõ ràng về trách nhiệm tiếp nhận và xử lý ý kiến giám sát của các bên liên quan, đảm bảo mọi kiến nghị đều được giải quyết minh bạch, kịp thời theo quy định pháp luật. Sự phối hợp đồng bộ này sẽ giúp BGSĐTCD thực hiện tốt vai trò giám sát cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng các công trình dân dụng vốn ĐTC để xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Đối với các đơn vị thi công, cần thực hiện các giải pháp cụ thể sau: Bố trí cán bộ kỹ thuật phụ trách làm đầu mối liên hệ với BGSĐTCD; Cung cấp đầy đủ các thông tin về tiến độ, vật tư, quy trình thi công theo yêu cầu giám sát; Tạo điều kiện để thành viên Ban tiếp cận hiện trường thi công an toàn; Tiếp thu và giải trình kịp thời các ý kiến giám sát.

### 3.4.4. Đảm bảo nội dung giám sát đúng theo quy định, giám sát kiểm tra sâu và chặt chẽ, Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nhận thức của nhân dân trong giám sát đầu tư của cộng đồng

Để nâng cao chất lượng giám sát, đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và khách quan, cần triển khai các giải pháp sau: Xây dựng bộ tiêu chí giám sát chi tiết cho từng giai đoạn dự án (lập kế hoạch, đấu thầu, thi công, nghiệm thu). Ví dụ: Giai đoạn đấu thầu: Kiểm tra tính công khai, đánh giá hồ sơ thầu, phát hiện dấu hiệu ưu ái doanh nghiệp. Giai đoạn thi công: Giám sát chất lượng vật liệu, tiến độ, an toàn lao động. Ban hành hướng dẫn nghiệp vụ giám sát từ Bộ Kế hoạch & Đầu tư hoặc UBND cấp tỉnh. Thành lập Tổ tư vấn giám sát gồm đại diện Mặt trận Tổ quốc, Hội Luật gia, truyền thông địa phương. Kết hợp với báo chí để thẩm tra và đưa tin về những dự án có dấu hiệu bất thường. Yêu cầu cơ quan chức năng phải phản hồi bằng văn bản về các kiến nghị của Ban giám sát. Công khai kết quả xử lý sai phạm (nếu có) để tạo áp lực giải trình. Đánh giá hiệu quả Ban giám sát hàng năm, loại bỏ thành viên không đủ năng lực hoặc thiếu trách nhiệm. Ứng dụng công nghệ để giám sát chặt chẽ: Triển khai phần mềm giám sát dự án (ví dụ: Hệ thống GIS, phần mềm quản lý

tiến độ). Sử dụng drone hoặc camera để giám sát công trường (nếu dự án lớn). Tạo nhóm Zalo/Telegram để cập nhật thông tin nhanh giữa Ban giám sát và cộng đồng. Đề chấm dứt tình trạng giám sát hình thức, cần: Chuẩn hóa quy trình với tiêu chí rõ ràng. Nâng cao năng lực thành viên bằng đào tạo và hỗ trợ chuyên môn. Áp dụng công nghệ và cơ chế minh bạch để giám sát khách quan. Tạo cơ chế giám sát đa tầng (cộng đồng + truyền thông + cơ quan nhà nước).

Để hoạt động hiệu quả và hoàn thành tốt nhiệm vụ, BGSĐTCD cần phát huy vai trò của nhân dân trong công tác giám sát. Bằng cách vận động sự tham gia tích cực của cộng đồng từ cơ sở, các Ban sẽ thu thập được những ý kiến phản ánh, nguyện vọng thiết thực và các vấn đề bức xúc của nhân dân. Trên cơ sở đó, BGSĐTCD có thể xây dựng kế hoạch giám sát sát với thực tế, đáp ứng đúng yêu cầu và mong đợi của các tầng lớp nhân dân.

## 4. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích một cách nghiên cứu hệ thống hiệu quả hoạt động của BGSĐTCD trong các dự án xây dựng nông thôn mới sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thông tin khảo sát thực tiễn và các phương pháp phân tích định lượng. Kết quả cho thấy BGSĐTCD đã được chứng minh và đang đóng vai trò quan trọng trong quá trình giám sát tiến trình, chất lượng công trình, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, góp phần hạn chế thất bại.

Từ các nghiên cứu trước đó và góp ý của chuyên gia, nghiên cứu đã đề xuất được 21 yếu tố ảnh hưởng thuộc 05 nhóm nhân tố ảnh hưởng, bao gồm: (1) Văn bản pháp luật và chính sách pháp lý, (2) Năng lực và trình độ của thành viên Ban giám sát, (3) Các điều kiện hỗ trợ hoạt động của Ban, (4) Sự phối hợp của các bên liên quan, (5) Các yếu tố khác. Những yếu tố này đều tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hiệu quả hoạt động BGSĐTCD trên địa bàn Long Hồ. Việc nhận diện và đánh giá kỹ lưỡng các yếu tố này là cần thiết để đưa ra được các giải pháp phù hợp. Dựa vào kết quả phân tích đã đưa ra các yếu tố ảnh hưởng lớn nhất của từng nhóm nhân tố, từ đó đề xuất được một số giải pháp có cơ sở khoa học, có tính hiệu quả và khả thi góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động BGSĐTCD trên địa bàn Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới.

## Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn quý thầy/cô, cơ quan, đơn vị và các anh/chị đang làm việc tại các công trình xây dựng trên địa bàn Long Hồ - Tỉnh Vĩnh Long đã hỗ trợ, cung cấp số liệu và đóng góp ý kiến trong quá trình thực hiện nghiên cứu. Xin trân trọng cảm ơn gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã luôn động viên, tạo điều kiện thuận lợi để tác giả hoàn thành bài báo này.

## Tài liệu tham khảo

- [1]. Luật đầu tư công (2019), Quốc hội, số 39/2019/QH14, ngày 13/6/2019

- [2]. World Bank (2020) – *Benchmarking Infrastructure Development*
- [3]. Rowland, N.J. (2012). *Review of Govind Gopakumar, Transforming Urban Water Supply in India: The Role of Reform and Partnerships in Globalization*. *Social Studies of Science*, 42(4), 628-631. DOI: 10.1177/0306312711435417
- [4]. Asian Development Bank (2018). *ADB Accountability Mechanism Annual Report 2018*. DOI: 10.22617/TCS190255-2
- [5]. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022). Quốc hội, số: 10/2022/QH15
- [6]. H. Diệp, “Một số giải pháp bảo đảm chất lượng, hiệu quả giám sát của MTTQ Việt Nam đối với hoạt động của chính quyền cấp cơ sở,” Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Jun. 14, 2024 [Online].
- [7]. Chính phủ (2021). Nghị định số 29/2021/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.
- [8]. Trương Thị Ngọc Ánh. (2023). Một số vấn đề lý luận về giám sát và hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới. Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam [Online].
- [9]. Vũ Mạnh (2024). Giám sát cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới. Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.
- [10]. Võ Văn Cần (2013), *Kiểm tra giám sát đầu tư công Việt Nam*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập, 12(22), tr. 54-61.
- [11]. T.T.A. Nguyệt (2016). *Nghiên cứu cơ chế tăng cường giám sát đầu tư công của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới: nghiên cứu trường hợp tại huyện Quảng Điền - tỉnh Thừa Thiên Huế*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Nông Lâm Huế.
- [12]. UBND huyện Long Hồ (2024). *Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng xã Nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và tiến tới xây dựng huyện Nông thôn mới trong năm 2025*.
- [13]. Joseph F. Hair JR, W.C. Black, B.J. Babin, R.E. Anderson (2010). *Overview of Multivariate Methods*. 7th ed. Pearson Prentice Hall.